TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST Ngày 16-4-2019 V/v: "Tranh chấp về ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Viết Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buoân Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1048/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1965 - Có mặt

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Phan Đình T, sinh năm 1964 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2018 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày: Bà M xây dựng gia đình với ông T trên cơ sở tự nguyện từ năm 1982, đến ngày 05/9/1990 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì mâu thuẫn phát sinh và căng thẳng từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không chung thủy mà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ

khác, nên vợ chồng thường xảy ra xô xát nhau. Bà M cũng như con cái đã nhiều lần khuyên can, nhưng ông T không thay đổi, từ năm 2018 bà M đã bỏ mặc không khuyên can nữa. Nay bà M nhận thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm T nên bà M xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà M có bốn con chung là: Phan Đình H - sinh 1983, Phan Thị T, sinh 1985, Phan Đình S, sinh 1988 và Phan Đình N, sinh 1991. Cả 04 con chung của bà M – ông T đều đã thành niên phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu tòa giải quyết .

Về công nợ: không có .

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Phan Đình T trình bày: về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung như bà M trình bày ở trên là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014, nguyên nhân do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, tuy nhiên việc này đã chấm dứt từ 2016; thời gian gần đây ông T chỉ nhắn tin qua lại, bà M ghen tuông nên vợ chồng xảy ra xô xát. Ông T xét thấy cho đến nay tình cảm, tình thương yêu vợ chồng vẫn còn nên ông T không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa giải quyết

Về công nợ: không có .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án"Tranh chấp về ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Phan Đình T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 1982, đến năm 1990 đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân bà M – ông T sống hạnh phúc đến năm 2014 thì mâu thuẫn phát sinh và căng thẳng từ tháng 10/2018 cho tới nay, nguyên nhân do ông T không chung thủy mà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ông T

xác định tình cảm, tình thương yêu vợ chồng vẫn còn nên không chấp nhận ly hôn là không thể chấp nhận được; Vì mâu thuẫn vợ chồng bà M– ông T đã kéo dài từ 2014 mà nguyên nhân là do ông T không chung thủy, nếu ông T thực sự thương yêu bà M thì ông T đã không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác thời gian dài như vậy; Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà M và ông T không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông T của bà M là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà M – ông T có 04 con chung là Phan Đình H - sinh 1983, Phan Thị T, sinh 1985, Phan Đình S, sinh 1988 và Phan Đình N, sinh 1991. Cả 04 con chung của bà M – ông T đều đã thành niên phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M và ông T đều không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ: Bà M và ông T xác định không có nợ chung.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị M và ông Phan Đình T.

2. Về nuôi con chung: Các con của bà M – ông T đều đã thành niên, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí : Bà Phạm Thị M chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Phạm Thị M đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự Thành phố B theo biên lai thu tiền số: 0011529 ngày 14/12/2018.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.B;
-UBND p. T, TP.B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Dư